

Số: 06 /2024/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 14 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 301/TTr-STP ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2024.

2. Bãi bỏ Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại Biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử và Công báo tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, NVK (BC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

(Kèm theo Quyết định số 06 /2024/QĐ-UBND

ngày tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Cơ quan quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

c) Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

d) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đảm bảo sự thống nhất, chặt chẽ trong phối hợp thực hiện công tác quản lý về xử lý vi phạm hành chính.

3. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Bảo đảm công tác quản lý, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, có hiệu quả.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.
3. Tham gia giải quyết hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
4. Tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
5. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
6. Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
7. Quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh.
8. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức, tham gia họp liên ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Thành lập, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Tham gia triển khai áp dụng các biện pháp cưỡng chế vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
5. Các hình thức phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 5. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất, xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chung về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật chung về xử lý vi phạm hành chính.

d) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân về những vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị Chính phủ, Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, xử lý theo quy định.

đ) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành

a) Chủ trì xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực cơ quan mình được giao quản lý để trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

b) Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

c) Tổ chức lấy ý kiến và tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực chuyên ngành, địa bàn quản lý theo quy định.

3. Ủy ban nhân các huyện, thành phố

a) Tổ chức lấy ý kiến và tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổ chức hiện và theo dõi việc thi hành các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc địa bàn quản lý theo quy định.

c) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh về những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân về những vướng mắc, bất cập trong quá trình thi

hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn.

Điều 6. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện hàng năm xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật có nội dung chỉ đạo, định hướng tuyên truyền pháp luật xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phù hợp, hiệu quả.

2. Sở Tư pháp

a) Biên soạn tài liệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp; Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật chung về xử lý vi phạm hành chính cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện việc phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật chung về xử lý vi phạm hành chính tại cấp huyện, cấp xã.

3. Các sở, ban, ngành

Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, ngành mình quản lý.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính đến cán bộ, công chức, nhân dân trên địa bàn quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hội nghị tập huấn công tác xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện truyền thông, phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 7. Phối hợp trong việc giải quyết hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Trách nhiệm của người lập biên bản vi phạm hành chính; thủ trưởng cơ quan người lập biên bản vi phạm hành chính:

a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính xử lý theo thẩm quyền được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành và pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì chuyển hồ sơ xử phạt đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn quy định. Hồ sơ gồm có: Biên bản vi phạm hành chính (trừ các trường hợp quy định tại khoản 31 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính) và các tài liệu có liên quan; văn bản tham mưu trình người có thẩm quyền xử phạt do thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính đề xuất; dự thảo Quyết định xử phạt.

c) Thực hiện việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

d) Việc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

đ) Tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi được người có thẩm quyền giao (theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị xử phạt).

e) Đối với hồ sơ vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: cơ quan người lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Trong trường hợp cần thiết, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính, người lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính và thực hiện việc tổ chức giải trình theo quy định.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Theo dõi, tổng hợp số vụ việc nêu tại điểm b khoản 2 Điều này.

3. Đối với hồ sơ vụ việc có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng theo Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp và các cơ quan có liên quan rà soát hồ sơ xử phạt trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định xử phạt.

4. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có văn bản giao cho sở, ngành, đơn vị liên quan chủ trì, phối hợp với cơ quan tư pháp rà soát để tham mưu biện pháp xử lý đối với những hồ sơ xử phạt không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Phối hợp kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch, Quyết định kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch, Quyết định kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm hoàn thành theo đúng tiến độ.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện việc kiểm tra đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 6, Điều 8 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Phòng Tư pháp tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành Kế hoạch, Quyết định kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành; Tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch, Quyết định kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Các đơn vị được kiểm tra

a) Có trách nhiệm phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Xem xét, xử lý các kiến nghị của Đoàn kiểm tra và gửi kết quả đến Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo quy định.

5. Trình tự, thủ tục kiểm tra, theo dõi sau kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Thực hiện theo Điều 32 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 10. Phối hợp trong việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

2. Đối với quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân để phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành. Việc phân công cơ quan chủ trì phải trên nguyên tắc vụ việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào thì giao cơ quan đó chủ trì; trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan thì căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để quyết định giao cho một cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

3. Các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc cơ quan được giao chủ trì tổ chức cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện quyết định cưỡng chế đạt kết quả.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thi hành quyết định cưỡng chế trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

5. Các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mở tài khoản có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm c khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

6. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thực hiện theo quy định tại Chương 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 11. Quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh; tổ chức triển khai, thực hiện tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (hoặc cơ quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính), cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện đến hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, theo quy định tại Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan.

Điều 12. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ hàng năm bao gồm: báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo về tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

a) Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Thời hạn gửi báo cáo

- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 của kỳ báo cáo.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố gửi báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) chậm nhất vào ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo.

- Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Nội dung, mẫu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cơ quan người lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện việc báo cáo số liệu vụ việc vi phạm hành chính đã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong báo cáo hàng năm, báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề và cung cấp số liệu vi phạm hành chính.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề, cung cấp số liệu về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Phòng Tư pháp có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng báo cáo.

4. Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2023/TT-BTP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế và các văn bản pháp luật có liên quan tại cơ quan, đơn vị và địa phương mình quản lý.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, xử lý theo quy định./.